

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 258/2020/DS-PT

Ngày 23 – 11 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp
đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2020/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1960 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn:

1. Bà Phan Tuyết T, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

2. Ông Trịnh Hoàng G, sinh năm 1973 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn S, sinh năm 1958 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Ông Trịnh Hoàng G và bà Phan Tuyết T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Ngô Thị D trình bày:

Giữa bà và bà Phan Tuyết T, ông Trịnh Hoàng G có tham gia hội do Chi hội phụ nữ Tổ 7 thuộc ấp Cơi 6A, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời mở (do bà D làm tổ trưởng), cụ thể gồm các dây hội:

1. Dây hội 500.000 đồng, mở vào ngày 19/12/2018, gồm 30 chung, mỗi tháng khai 01 lần. Hội không có tiền cò và không có chủ hội. Dây hội này bà tham gia 02 chung; bà T, ông G tham gia 06 chung. Dây hội này bà T, ông G đã hót, bà chưa hót. Bà T, ông G phải đóng cho bà 02 chung với số tiền 6.000.000 đồng.

2. Dây hội 500.000 đồng, mở vào ngày 19/12/2018, gồm 31 chung, mỗi tháng khai 01 lần. Hội không có tiền cò và không có chủ hội. Dây hội này bà tham gia 02 chung. Bà T, ông G tham gia 05 chung. Dây hội này, bà T, ông G đã hót, bà chưa hót. Bà T, ông G phải đóng cho bà 02 chung với số tiền 5.000.000 đồng.

3. Dây hội 500.000 đồng, mở vào ngày 19/02/2018, gồm 32 chung, mỗi tháng khai 01 lần. Hội không có tiền cò và không có chủ hội. Dây hội này bà tham gia 06 chung. Bà T, ông G tham gia 05 chung. Dây hội này, bà T, ông G đã hót, bà chưa hót. Bà T, ông G phải đóng cho bà 06 chung với số tiền 15.000.000 đồng.

4. Dây hội 500.000 đồng, mở vào ngày 19/02/2018, gồm 33 chung, mỗi tháng khai 01 lần. Hội không có tiền cò và không có chủ hội. Dây hội này bà tham gia 06 chung. Bà T, ông G tham gia 04 chung. Dây hội này, bà T, ông G đã hót, bà chưa hót. Bà T, ông G phải đóng cho bà 06 chung với số tiền 12.000.000 đồng.

5. Dây hội 500.000 đồng, mở vào ngày 19/7/2018, gồm 34 chung, mỗi tháng khai 01 lần. Hội không có tiền cò và không có chủ hội. Dây hội này bà tham gia 02 chung. Bà T, ông G tham gia 03 chung. Dây hội này, bà T, ông G đã hót, bà chưa hót. Bà T, ông G phải đóng cho bà 02 chung với số tiền 3.000.000 đồng.

6. Dây hội 500.000 đồng, mở vào ngày 19/7/2018, gồm 35 chung, mỗi tháng khai 01 lần. Hội không có tiền cò và không có chủ hội. Dây hội này bà tham gia 03 chung. Bà T, ông G tham gia 03 chung. Dây hội này, bà T, ông G đã hót, bà chưa hót. Bà T, ông G phải đóng cho bà 03 chung với số tiền 3.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hội mà bà T, ông G phải trả cho bà số tiền 44.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T và ông G có vay của bà số tiền 137.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24kara. Bà T có làm giấy vay tiền ngày 19/11/2018. Từ ngày vay đến nay, bà T, ông G không trả tiền, vàng gốc và tiền lãi. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu bà T, ông G trả tiền vay 137.000.000 đồng và vàng vay 06 chỉ vàng 24kara; yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 137.000.000 đồng từ ngày 19/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất Nhà nước quy định.

- Bị đơn bà Phan Tuyết T trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của bà D. Bà và bà D có tham gia hội do Chi hội phụ nữ Tổ 7 thuộc ấp Cơi 6A, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời mở. Các dây hội này bà đã hót, bà còn phải đóng hội chết cho Chi hội phụ nữ Tổ 7, trong đó có bà D. Về số vàng, tiền có giao dịch mượn của bà D được diễn ra nhiều lần, tính từ năm 2013. Bà có đóng lãi hàng tháng (tiền mượn lãi từ 8%, đến

9%/tháng, còn vàng thì 200.000 đồng/tháng/01 chỉ) cho bà D nhưng không có ghi vào biên nhận. Có lúc không đóng lãi thì bà D kê vào vốn, rồi tính thêm lãi mới có số tiền như bà D khởi kiện; Số tiền, vàng bà đã trả hết cho bà D, nhưng không có lấy lại biên nhận. Nay bà D dựa vào tờ hỏi tiền vàng ngày 19/11/2018 để khởi kiện tiếp buộc bà trả là không đúng. Do đây là giao dịch giữa bà với bà D, không có liên quan đến ông G. Nên bà D yêu cầu ông G có nghĩa vụ liên đới là không phù hợp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn S trình bày:

Ngày 24/12/2019, ông có nộp cho Tòa án Tờ tường thuật. Có nội dung bà T, ông G chỉ còn thiếu bà D 2.000.000 đồng. Bà T, ông G không còn nợ gì khác với bà D. Tuy nhiên, qua xem xét toàn bộ nội dung của tờ tường thuật là không đúng với ý kiến của ông. Lý do có Tờ tường thuật ngày 24/12/2019, do bà D có nộp đơn ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Ông có đến Tòa án để giải quyết ly hôn với bà D. Ông có gặp bà T tại Văn phòng luật sư Trung kế bên Tòa án. Bà T kêu ông vào Văn phòng luật sư để hỏi sự việc cãi nhau giữa bà T với bà D tại nhà của ông thời gian trước. Ông có nói với bà T là: Thời điểm đó, bà T có đến nhà vợ chồng ông để hỏi tiền mà bà T nhờ bà D hỏi dùm. Bà D nói các khoản nợ hiện bà T còn thiếu bà T tự ghi vào sổ của bà D theo dõi. Bà T xem xong thì không nói gì hết. Ông chỉ nói các thông tin như vậy để cho bà T nghe. Bà T có nhờ luật sư Trung đánh máy vi tính 01 văn bản; Ông Trung có đọc nội dung văn bản đúng như thông tin ông đã trình bày. Còn nội dung tại tờ tường thuật là không đúng. Ông xin đính chính lại để Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2020/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị D.

Buộc bà Phan Tuyết T và ông Trịnh Hoàng G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị D số tiền 204.045.000 đồng. Trong đó, bà T có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 102.022.500 đồng và 03 chỉ vàng 24kara; ông G có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 102.022.500 đồng và 03 chỉ vàng 24kara.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/8/2020, bà Phan Tuyết T có đơn kháng cáo; ngày 26/8/2020, ông Trịnh Hoàng G có đơn kháng cáo. Bà T, ông G kháng cáo có cùng nội dung: Không đồng ý trả cho bà T số tiền 102.022.500 đồng và 03 chỉ vàng 24K, không đồng ý nộp tiền án phí theo bản án sơ thẩm xét xử; ông, bà không nhận được giấy mời của Tòa án và không biết việc Tòa án xét xử nên xét xử vắng mặt ông, bà là không đúng quy định pháp luật. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Hoàng G xác định yêu cầu kháng cáo: Việc giao dịch hui, vay giữa bà D với bà T ông không biết, nên không đồng ý có trách nhiệm liên đới với bà T để trả nợ cho bà D. Bà T vắng mặt không lý do.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông Trịnh Hoàng G phát biểu: Việc giao dịch hui, vay giữa bà D với bà T ông không biết, nên không đồng ý có trách nhiệm liên đới với bà T để trả nợ cho bà D.

Bà D phát biểu: Ông G biết việc giao dịch hui, vay giữa bà với bà T, nên yêu cầu buộc ông G có trách nhiệm cùng với bà T để trả nợ.

Ông S không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phan Tuyết T; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Hoàng G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Phan Tuyết T có đơn kháng cáo, bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên xem như bà T đã từ bỏ quyền kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phan Tuyết T.

Xét kháng cáo của ông Trịnh Hoàng G, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với giao dịch hui: Giữa bà D và bà T có tham gia các dây hui do Chi hội phụ nữ Tổ 7, ấp Cơi 6A, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời mở. Bà T và bà D thống nhất xác định, dây hui thứ 01 ngày 19/12/2018, loại hui 500.000 đồng, có 30 chung, bà D tham gia 02 chung, bà T tham gia 06 chung; Dây hui thứ 02 ngày 19/12/2018, loại hui 500.000 đồng, có 31 chung, bà D tham gia 02 chung, bà T tham gia 05 chung; Dây hui thứ 03 ngày 19/02/2018, loại hui 500.000 đồng, có 32 chung, bà D tham gia 06 chung, bà T tham gia 05 chung; Dây hui thứ 04 ngày 19/02/2018, loại hui 500.000 đồng, có 33 chung, bà D tham gia 06 chung, bà T tham gia 04 chung; Dây hui thứ 05 ngày 19/7/2018, loại hui 500.000 đồng, có 34 chung, bà D tham gia 02 chung, bà T tham gia 03 chung; Dây hui thứ 06 ngày 19/7/2018, loại hui 500.000 đồng, có 35 chung, bà D tham gia 03 chung, bà T tham gia 03 chung. Bà T thống nhất với ý kiến trình bày của bà D, các dây hui trên bà T đã hót, nhưng chưa đóng lại hui chết cho các hui viên, trong đó có bà D với số tiền bằng 44.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà T trả số tiền hui còn nợ 44.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với giao dịch vay tiền, vàng: Bà D có cung cấp cho Tòa án giấy hỏi tiền ngày 19/11/2018, trong đó có nội dung “tổng cộng thiếu hai có hỏi tiền dùm Thanh ... ngày 19 tháng 11 năm 2018 ... số tiền 137.000.000 đồng ... một trăm ba mươi bảy triệu đồng ... sáu chỉ vàng 24k Phan Tuyết T”. Tại Kết luận giám định số: 152/GĐ-2019 ngày 18/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau, kết luận đối với chữ viết Phan Tuyết T tại giấy hỏi tiền ngày 19/11/2018 so

với chữ viết Phan Tuyết T trong các tài liệu gửi kèm theo (mẫu so sánh) là do cùng một người viết ra. Như vậy, có cơ sở xác định bà T có vay của bà D số tiền 137.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K như bà D trình bày. Bà T cho rằng đã thanh toán xong tiền, vàng vay cho bà D, nhưng bà D cho rằng chưa thanh toán; bà T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà T, nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà D, buộc bà T trả số tiền vay 137.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24kara là có căn cứ.

Về lãi suất: Do bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán vốn, lãi khoản tiền vay cho bà D, nên bà D yêu cầu tính lãi đối với số tiền 137.000.000 đồng theo mức lãi suất do Nhà nước quy định là phù hợp với quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, buộc bà T phải trả số tiền lãi bằng 23.045.000 đồng là có căn cứ. Như vậy, tổng cộng bà T phải thanh toán cho bà D là 204.045.000 đồng (Trong đó: Tiền hui 44.000.000 đồng; Tiền vay: Nợ gốc 137.000.000 đồng, tiền lãi 23.045.000 đồng) và 06 chỉ vàng 24kara.

Xét về trách nhiệm trả nợ của ông G: Mặc dù bà T và ông G đã ly hôn theo Quyết định số: 293/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời; tuy nhiên tại thời điểm bà T giao dịch hui và vay tiền, vàng của bà D thì ông G và bà T vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân. Việc giao dịch của bà T cũng nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình; bà T, ông G cũng không chứng minh việc giao dịch của bà T để phục vụ cho nhu cầu riêng của bà T.

Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình”.

Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ, chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: “... Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ...”. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông G có trách nhiệm liên đới với bà T trả cho bà D là có căn cứ.

Về chi phí giám định số tiền 4.880.000 đồng bà D đã nộp: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, nên cấp sơ thẩm buộc bà T, ông G phải chịu và buộc bà T, ông G có trách nhiệm trả lại cho bà D là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận, nên cấp sơ thẩm buộc bà T và ông G phải chịu án phí tương ứng với phần nghĩa vụ của mình là phù hợp.

Đối với nội dung kháng cáo của ông G cho rằng không nhận được giấy mời của Tòa án và không biết việc Tòa án xét xử nên xét xử vắng mặt ông, bà là không đúng quy định pháp luật, xét thấy: Tại các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 30/5/2020 Tòa án cấp sơ thẩm đã có tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập ông G tham gia phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 10/6/2020 do ông G trực tiếp nhận; nhưng đến ngày mở phiên tòa ông G vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 25/6/2020. Ngày 16/6/2020, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho ông G, nhưng khi tổng đạt ông G không có ở nhà nên ông

Trịnh Văn Tạo là cha ruột của ông G đã nhận thay. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt đối với ông G theo đúng quy định tại điểm b Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Hoàng G, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông G phải chịu theo quy định; bà T đã dự nộp được sung quỹ Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phan Tuyết T.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Hoàng G. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2020/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D. Buộc bà Phan Tuyết T và ông Trịnh Hoàng G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị D số tiền 204.045.000 đồng, trong đó: Bà T có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 102.022.500 đồng và 03 chỉ vàng 24K; ông G có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 102.022.500 đồng và 03 chỉ vàng 24K.

- Về chi phí giám định: Buộc bà T và ông G có trách nhiệm liên đới trả cho bà D số tiền 4.880.000 đồng, trong đó: Bà T có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 2.440.000 đồng; ông G có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 2.440.000 đồng.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà T và ông G còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T phải chịu 5.893.125 đồng.

Ông G phải chịu 5.893.125 đồng.

Bà D không phải chịu án phí; bà D đã dự nộp 3.578.000 đồng theo biên lai thu số 0002595 ngày 26/8/2019 và biên lai thu số 0002746 ngày 04/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông G phải chịu 300.000 đồng; ngày 26/8/2020 ông G đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004213 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ chuyển thu án phí.

Bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004207 ngày 25/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được sung quỹ Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập